


PHỤ LỤC 5 : MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông t- số 12/2006/TT – BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Nghiệp).

Phiếu An Toàn Hoá Chất ----- SODIUM HYPOCHLORITE	Logo của doanh nghiệp 
Số CAS : 1310 - 73 - 2 Số UN : 1791 Số đăng ký EC : Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có) : 80 Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có) :	

PHẦN I : Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp.

- Tên th- ờng gọi của chất : Natri hypoclorit	Khi cần liên lạc số điện thoại Tel : 04. 38 273 831 0913 546 833 0241 - 3745 339
- Tên th- ơng mại : Natri hypoclorit	
- Tên khác (không là tên khoa học) : Javen, dịch tẩy trắng	
- Tên nhà cung cấp và địa chỉ : Công ty TNHH Hoá Chất Công Nghiệp Đức Giang Tổ 19 - Th- ơng Thanh - Long Biên - Hà Nội . VP : Lô 4, đ- ờng TS 25, KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh.	

PHẦN II : Thông tin về thành phần nguy hiểm.

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hoá học	Hàm l- ượng(% theo trọng l- ượng)
Sodium hypochlorite	1310-73-2	NaOCl	6 - 8

PHẦN III : Nhận dạng nguy hiểm

<p>1. Mức xếp loại nguy hiểm : Dạng nguy hiểm, hạng 1 ăn mòn và gây phỏng rộp da.</p> <p>2. Cảnh báo nguy hiểm :</p> <ul style="list-style-type: none">- Nguy hiểm khi tiếp xúc : Gây bỏng da vùng tiếp xúc.- L- u ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng : Tránh dây vào ng- ời, thiết bị chứa bằng nhựa hoặc thủy tinh không rò rỉ, thận trọng khi vận chuyển, sử dụng, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ. <p>3. Các đ- ờng tiếp xúc và triệu chứng :</p> <ul style="list-style-type: none">- Đ- ờng mắt : gây bỏng niêm mạc, tẩy đỏ có thể dẫn tới mù loà.- Đ- ờng thở : gây khó chịu- Đ- ờng da : ngứa da, rát đỏ, nhót.- Đ- ờng tiêu hoá : Đau bụng, nôn mửa.

PHU LUC 5 : MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông t- số 12/2006/TT – BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Nghiệp).

PHẦN IV : Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn.

1. Tr- òng hợp tai nạn tiếp xúc theo đ- òng mắt (bị văng, dầy vào mắt) : dùng n- óc rửa nhiều lần sau đó dùng dung dịch axit acetic 0,1% rửa đến khi pH ~ 7 rồi chuyển cơ sở y tế gần nhất để khám, điều trị tiếp.
2. Tr- òng hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dầy vào da) : Rửa n- óc nhiều lần, sau đó dùng dung dịch axit acetic 2,5% rửa đến khi kiểm tra pH ~ 7 sau đó băng bó vết th- ong chuyển cơ sở y tế kiểm tra điều trị.
3. Tr- òng hợp tai nạn tiếp xúc theo đ- òng hô hấp (hít thở phải hoá chất nguy hiểm dạng hơi, khí) : Chuyển nơi thoáng khí nghỉ ngơi.
4. Tr- òng hợp tai nạn theo đ- òng tiêu hoá (ăn uống, nốt nhâm hoá chất) : cho súc miệng n- óc sạch nhiều lần, chuyển cơ sở y tế xem xét cấp cứu.
5. L- u ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có) :

PHẦN V : Biện pháp chữa cháy.

1. Xếp loại về tính cháy : Không cháy
2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy : Thoát ra các khói , khí độc.
3. Các tác nhân gây cháy nổ : Không
4. Các chất dập cháy thích hợp và h- óng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác :
5. Ph- ơng tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy : Mũ trùm đầu, quần áo chống thấm n- óc, ủng, găng tay cao su, mặt nạ phòng độc.
6. Các l- u ý đặc biệt về cháy nổ (nếu có) :

PHẦN VI : Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, dò rỉ.

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ : Dùng các loại vật liệu có khả năng thấm tốt để thấm thu gom lại phân huỷ rồi dùng n- óc xối rửa sạch nơi tràn chảy hoá chất.
2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng : Dùng cát, đất tạo bờ chắn xung quanh không để hoá chất chảy lan rộng dùng dụng cụ mức thu gom chứa vào thiết bị chứa khác chỗ về nơi sản xuất xử lý, sau đó phun n- óc làm sạch nơi bị tràn chảy .

PHẦN VII : Sử dụng và bảo quản.

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng, thao tác với hoá chất nguy hiểm : Phải có đầy đủ trang bị phòng hộ cá nhân.
2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Thiết bị chứa đảm bảo có độ chắc chắn, vật liệu nhựa, thủy tinh, khu vực chứa phải có bờ ngăn, ph- ơng tiện thu hồi khi có tràn chảy. Không để lẫn với các chất có tính axit, nhiệt độ cao, các kim loại hoặc các oxit.

PHẦN VIII : Kiểm soát tiếp xúc và ph- ơng tiện bảo hộ cá nhân.

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết : Thông gió, hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc.
2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân khi làm việc :
 - Bảo vệ mắt : dùng kính.
 - Bảo vệ thân thể : Mặc quần áo bảo hộ lao động, khẩu trang.
 - Bảo vệ tay : Đi găng tay chịu hoá chất.
 - Bảo vệ chân : Đi giày hoặc ủng

PHU LUC 5 : MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông t- số 12/2006/TT – BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Nghiệp).

- 3. Ph- ong tiện bảo hộ trong tr- ờng hợp xử lý sự cố : Mũ trùm đầu quần áo chống thấm, găng tay cao su, ủng, mặt nạ phòng độc.
- 4. Các biện pháp vệ sinh : Tắm rửa vệ sinh thân thể sau khi tiếp xúc với hoá chất.

PHẦN IX : Đặc tính hoá lý.

Trạng thái vật lý : dung dịch	Điểm sôi (°C) : Không phù hợp
Màu sắc : vàng nhạt	Điểm nóng chảy (°C) : Không phù hợp
Mùi đặc tr- ng : hắc, dễ gây buồn nôn.	Điểm bùng cháy (°C) theo ph- ong pháp xác định : không phù hợp
Áp suất hoá hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : Không phù hợp	Nhiệt độ tự cháy (°C) : không phù hợp
Tỷ trọng hơi (không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không phù hợp	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) :
Độ hoà tan trong n- ớc : Vô cùng.	Giới hạn nồng độ cháy, nổ d- ưới (% hỗn hợp với không khí) : ko phù hợp.
Độ pH : > 14	Tỷ lệ hoá hơi : không phù hợp
K.l- ọng riêng (kg/m ³) : 1120	Các tính chất khác (nếu có)

PHẦN X : Tính ổn định và khả năng phản ứng.

- 1. Tính ổn định : không cao, là một chất oxy hoá mạnh, kém bền, dễ bị phân huỷ bởi axit và giải phóng khí Clo. Bị phân huỷ mạnh bởi tác dụng của các kim loại nặng nh- Fe, Ni, Co, Cu, Mn hay oxit dễ bị phân d- ới tác dụng của ánh sáng và nhiệt độ, nhất là môi tr- ờng có độ pH = 6 ÷ 7 .
- 2. Khả năng phản ứng :
 - Phản ứng phân huỷ và sản phẩm của phản ứng phân huỷ : tạo muối và n- ớc.
 - Các phản ứng nguy hiểm : (ăn mòn, cháy, nổ) : ăn mòn da, phản ứng với axit, kim loại và các muối kim loại.
 - Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung : Các axit, bột kim loại.
 - Phản ứng trùng hợp : ch- a có thông tin.

PHẦN XI : Thông tin về độc tính.

Tên thành phần	Loại ng- ỡng	Kết quả	Đ- ờng tiếp xúc	Sinh vật thử
NaOCl			Da, tiêu hoá	
1. Các ảnh h- ưởng mãn tính với ng- ời : không đ- ợc phân loại là chất gây ung th- theo OSHA, ACGIH				
2. Các ảnh h- ưởng độc khác : cho vi sinh vật và môi tr- ờng				

PHẦN XII : Thông tin về sinh thái môi tr- ờng.

1. Độc tính với sinh vật			
Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh h- ưởng	Kết quả
NaOCl	Các loài	Ngay	
2. Tác động trong môi tr- ờng : <ul style="list-style-type: none">- Mức độ phân huỷ sinh học : ch- a có thông tin			

PHU LUC 5 : MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông t- số 12/2006/TT – BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Nghiệp).

- Chỉ số BOD và COD : ch- a có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân huỷ sinh học : ch- a có thông tin
- Mức độc tính của sản phẩm phân huỷ sinh học : ch- a có thông tin

PHẦN XIII : Biện pháp và quy định về tiêu huỷ hoá chất.

1. Thông tin quy định tiêu huỷ : ch- a có thông tin
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải : ch- a có thông tin
3. Biện pháp tiêu huỷ : ch- a có thông tin
4. Sản phẩm của quá trình tiêu huỷ, biện pháp xử lý: Phản ứng với axit, các muối và n- ớc không độc hại.

PHẦN XIV : Quy định về vận chuyển.

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đ- ờng biển	Loại hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
QĐ về v/c hàng nguy hiểm của Việt Nam : 13/2003/NĐ-CP 29/2005/NĐ-CP 02/2004/TT-BCN	1791		8			
QĐ về v/c hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA						

PHẦN XV : Thông tin về pháp luật.

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới : ch- a có thông tin.
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký : ch- a có thông tin

PHẦN XVI : Thông tin khác.

Mục đích sử dụng : làm chất tẩy trắng, khử trùng.
Ngày tháng biên soạn phiếu : 01/01/2008
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất :
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo : Công ty TNHH Hoá Chất Công Nghiệp Đức Giang
L- u ý ng- ời đọc : Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này đ- ọc biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải đ- ọc sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn, tuy nhiên chúng tôi không thể đảm bảo cho sự an toàn một cách tuyệt đối. Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Trách nhiệm của ng- ời sử dụng là phải biết áp dụng, xác định những thông tin cần thiết và sử dụng chúng thật thận trọng trong từng mục đích, quy trình sản xuất.

CÔNG TY TNHH HOÁ CHẤT CÔNG NGHIỆP ĐỨC GIANG

PHỤ LỤC 5 : MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông t- số 12/2006/TT – BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Nghiệp).

HOACHATDUCGIANG.COM